HẠNG MỤC SỬA CHỮA

Tàu: PT LUCKY

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
I	**Phần sắt hàn**							
-	Thay nẹp gia cường và xương gia cường trong hầm hàng số 3:					kg	1000.0	
-	Hàn sửa lỗ bục tôn vách sóng hầm 2-3:					điểm	5.0	
-	Thay tôn boong cầu hầm 3-4:					kg	500.0	
-	Cắt ra hàn lại bản lề của manhole					bộ	2	
-	Cắt ra hàn lại mã bắt tai hồng					bộ	4	
-	Khoét lỗ cửa manhole					kg	100.0	
-	Thay nẹp gia cường					kg	300.0	
-	Cắt, bóc lột tôn cầu boong hầm 3-4				1	công	1	
-	Thay bậc cầu thang:	900	340	4	2	kg	19.2	
-	Thay mã cầu thang	270	80	10	4	kg	6.8	
-	Thay tôn boong cầu hầm 3-4:	1160	1410	12	1	kg	154.1	
-	Thay tôn vách buồng sopep					kg	150.0	
-	Cắt tấm tôn ra hàn lại:	150	450	12	1	kg	6.4	
-	Thay tôn boong cầu hầm 3-4:	540	180	12	1	kg	9.2	
-	Thay nẹp lập là:					kg	10.0	
-	Thay tôn thành quầy					kg	100.0	
-	Thay tôn nhà cẩu	1300	120	12	2	kg	29.4	
-	Thay tôn be chắn sóng					kg	200.0	
-	Thay tôn mặt boong	1960	400	14	1	kg	86.2	
-	Cắt ra và hàn lại tôn be chắn sóng	430	340	12	1	kg	13.8	
		360	300	12	1	kg	10.2	
-	Thay tôn be chắn sóng	1430	120	12	1	kg	16.2	
-	Gia công và lắp đặt khớp giãn nở be chắn sóng	250	210	10	2	kg	8.2	
		250	210	10	1	kg	4.1	
-	Khoét lỗ phi 20 trên khớp giãn nở				4	lỗ	4	
-	Thay tôn be chắn sóng					kg	10.0	
-	Thay mã gia cường ống thông hơi	400	70	10	3	kg	6.6	
-	Cắt ra và hàn lại ống thông hơi	139.8	600	9.5	1	kg	18.3	
-	Thay mã gia cường be chắn sóng	380	300	12	1	kg	10.7	
		500	120	10	1	kg	4.7	
-	Thay tôn mặt boong	970	1480	14	1	kg	157.8	
		1300	970	14	1	kg	138.6	
-	Thay tấm ốp xuyên vách ống thông hơi	600	60	10	1	kg	2.8	
		460	250	14	1	kg	12.6	
-	Cắt chân cầu thang hàn lại	200	200	10	2	kg	6.3	
-	Thay tôn mặt boong	460	250	14	1	kg	12.6	
-	Thay vách boong dâng mũi	800	800	8	1	kg	40.2	
-	Gia công và lắp đặt giá hộp cứu hỏa. Thép góc L63x63x5=60mm	60			4	đoạn	4.0	
-	Khoét lỗ phi 12				4	lỗ	4	
-	Thay tôn boong dâng	230	230	12	1	tấm	1.0	
-	Thay tấm đệm chân lan can	100	50	10	1	tấm	1.0	
-	Thay tôn boong dâng	800	500	12	1	kg	37.7	
-	Thay tấm đệm chân lan can	100	50	10	1	tấm	1.0	
		80	80	12	1	tấm	1.0	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
-	Thay tôn boong dâng	550	2170	14	1	kg	131.2	
-	Khoét lỗ phi 140				1	lỗ	1	
-	Thay tôn gia cường be chắn sóng					kg	10.0	
-	Thay tôn boong dâng	280	150	12	1	kg	4.0	
-	Thay tôn thành quầy	420	120	12	1	kg	4.7	
-	Cắt ra hàn lại giá đỡ ống L50x50x5	200			1	đoạn	1	
-	Thay tôn boong	200	270	14	1	kg	5.9	
-	Hàn mòn: kích thước mối hàn	100	100	10	1	dm3	0.1	
-	Thay tôn thành quầy	860	140	12	1	kg	11.3	
-	Hàn bục				1	điểm	1	
-	Thay tôn boong	880	470	14	1	kg	45.5	
-	Thay tôn gia cường be chắn sóng					kg	50.0	
-	Thay tôn boong	480	370	12	1	kg	16.7	
	(Trừ tôn khoét lỗ:570x510x12)	570	510	12	1	kg	-27.4	
		510	330	12	1	kg	15.9	
		2650	1520	12	1	kg	379.4	
		920	400	12	1	kg	34.7	
-	Cắt ra hàn lại chân cầu thang	70	70	12	2	kg	0.9	
		100	30	12	2	kg	0.6	
-	Cắt ra hàn lại cửa xuống hầm hàng	650	620	10	4	kg	126.5	
-	Khoét lỗ cửa manhole	570	510	12	1	kg	27.4	
-	Hàn bục				1	điểm	1	
-	Mã móc cẩu phi 300x12	300		12	1	tấm	1	
-	Thay tôn nhám bậc cầu thang boong mũi	1000	330	4	1	kg	10.4	
		1000	340	4	1	kg	10.7	
-	Thay mã bậc cầu thang boong mũi	300	100	10	2	kg	4.7	
		300	100	10	2	kg	4.7	
-	Thay tôn boong	1370	760	10	1	kg	81.7	
		2470	400	10	1	kg	77.6	
		1460	420	10	1	kg	48.1	
-	Thay tôn nhà cẩu	400	400	8	1	kg	10.0	
-	Tấm ốp ống boong dâng mũi	500	400	12	1	kg	18.8	
-	Gia công và lắp đặt thang đứng hầm hàng	9600	70	12	2	kg	126.6	
		230	70	12	12	kg	18.2	
-	Thép vuông	20	20	400	32	kg	37.7	
-	Thay cơ cấu gia cường trong hầm hàng	480	660	12	1	kg	29.8	
-	Hàn bục trần hầm hàng				3	điểm	3.0	
-	Hàn mòn 4 điểm, kích thước:	200	90		1	điểm	1	
		60	200		1	điểm	1	
		10	50		1	điểm	1	
		50	50		1	điểm	1	
-	Hàn mòn 1 điểm, kích thước:	50	50		1	điểm	1	
-	Thay cơ cấu trong hầm hàng					kg	1200.0	
-	Hàn mòn 2 điểm, kích thước:	80	60		1	điểm	1	
		40	40		1	điểm	1	
-	Hàn bục				2	điểm	2	
-	Hàn ốp	150	150	10	1	tấm	1	
		120	100	10	1	tấm	1	
-	Hàn bục				2	điểm	2	
-	Hàn mòn 5 điểm, kích thước:	50	50		5	điểm	5	
-	Thay cơ cấu trong hầm hàng					kg	300.0	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
-	Thay tôn vách sóng hầm hàng					kg	150.0	
-	Thay cơ cấu trong hầm hàng	230	240	10	1	kg	4.3	
-	Thay tôn vách sóng hầm hàng	420	200	12	1	kg	7.9	
		720	150	12	1	kg	10.2	
-	Hàn bục				1	điểm	1	
-	Thay cơ cấu trong hầm hàng					kg	100.0	
-	Thay tôn vách sóng hầm hàng					kg	150.0	
-	Hàn bục				1	điểm	1	
-	Thay cơ cấu trong hầm hàng					kg	1000.0	
-	Thay tôn boong	670	740	12	1	kg	46.7	
II	Sửa chữa tời: khối lượng thay < 5kg tính 5kg)					**bộ**	**3**	
1	**Tời số 1**							
-	Thay mới:							
-	U sấn	1340	370	10	1	kg	38.9	
-	U sấn	1050	370	10	1	kg	30.5	
-	L sấn	860	200	10	1	kg	13.5	
-	L sấn	860	190	10	1	kg	12.8	
-	Giá chữ A chiều rộng 840 chiều cao 540 sấn 2 cạnh dài 470	840	540	10	1	kg	35.6	
-	Bản cánh dưới giá chữ A	840	140	10	1	kg	9.2	
-	Hộp bánh răng	1760	610	10	1	kg	84.3	
		400	610	10	1	kg	19.2	
-	Thay ổ đỡ thép (phi190-phi90)x50	190	90	50	1	cái	1.0	
-	Mặt bảo vệ	350	200	8	1	kg	4.4	
		400	130	10	2	kg	8.2	
		270	80	10	1	kg	1.7	
-	Bản gia cường	510	80	10	1	kg	3.2	
		540	50	10	1	kg	2.1	
-	Bản đáy	1070	140	10	1	kg	11.8	
-	Tấm đế	280	100	30	2	kg	13.2	
		200	100	30	2	kg	9.4	
-	Bản mã tay trang	180	160	25	1	kg	5.7	
		300	180	10	2	kg	8.5	
-	Bản mã cẩu	120	160	14	4	kg	8.4	
-	U sấn hộp bảo vệ bánh răng	2000	460	6	1	kg	43.3	
-	Bulong & ecu M12x40				4	bộ	4.0	
-	Bảo vệ cáp, thép tròn phi20	2470	10	10	2	kg	12.2	
		650	10	10	2	thanh	2.0	
-	Uốn tay trang, thép tròn phi20	470	10	10	1	thanh	1.0	
-	Bản mã hộp ổ bi	180	250	10	1	tấm	1.0	
-	Tấm đế	60	80	10	4	tấm	4.0	
-	Bulong & ecu M12x40				5	bộ	5.0	
-	Lập là chắn cáp	120	60	8	4	m	0.48	
-	Ecu M22				16	cái	16.0	
-	Bulong M22x190				10	cái	10	
-	Tháo nhổ bulong M22x190				10	cái	10	
-	Mặt bích bắt động cơ sao phi380x12	190	190	12	1	kg	10.68	
-	Ta rô lỗ phi20				5	lỗ	5	
-	Bulong M20x40				5	bộ	5	
-	Khoan lỗ phi27				8	lỗ	8	
-	Khoan lỗ phi32				4	lỗ	4	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
-	Khoan lỗ phi12				16	lỗ	16	
-	Viền sắt tròn phi10x2600mm	2600			1	cái	1	
-	Tháo rã toàn bộ các chi tiết của tời như động cơ. Rulo, phanh tời…. Tiến hành vệ sinh các chi tiết, kiểm tra phát hiện hư hỏng. Bảo dưỡng vòng trong bánh răng, bảo dưỡng tang tời, vành phanh và 3 ổ đỡ bạc phi150				1	cụm	1	
-	Sơn chống rỉ toàn bộ tời				1	cụm	1	
2	Tời số 2							
-	Thay mới:							
-	U sấn	1340	370	10	1	kg	38.9	
-	U sấn	1050	370	10	1	kg	30.5	
-	L sấn	860	200	10	1	kg	13.5	
-	L sấn	860	190	10	1	kg	12.8	
-	Giá chữ A chiều rộng 840 chiều cao 540 sấn 2 cạnh dài 470	840	540	10	1	kg	35.6	
-	Bản cánh dưới giá chữ A	840	140	10	1	kg	9.2	
-	Hộp bánh răng	1760	610	10	1	kg	84.3	
		400	610	10	1	kg	19.2	
-	Thay ổ đỡ thép (phi190-phi90)x50	190	90	50	1	Cái	1.00	
-	Mặt bảo vệ	350	200	8	1	kg	4.4	
		400	130	10	2	kg	8.2	
		270	80	10	1	kg	1.7	
-	Bản gia cường	510	80	10	1	kg	3.2	
		540	50	10	1	kg	2.1	
-	Bản đáy	1070	140	10	1	kg	11.8	
-	Tấm đế	280	100	30	2	kg	13.2	
		200	100	30	2	kg	9.4	
-	Bản mã tay trang	180	160	25	1	kg	5.7	
		300	180	10	2	kg	8.5	
-	Bản mã cẩu	120	160	14	4	kg	8.4	
-	U sấn hộp bảo vệ bánh răng	2000	460	6	1	kg	43.3	
-	Bulong & ecu M12x40				4	bộ	4	
-	Bảo vệ cáp, thép tròn phi20	2470	10	10	2	kg	3.88	
		650	10	10	2	thanh	2.0	
-	Uốn tay trang, thép tròn phi20	470	10	10	1	thanh	1.0	
-	Bản mã hộp ổ bi	180	250	10	1	tấm	1.0	
-	Tấm đế	60	80	10	4	tấm	4.0	
-	Bulong & ecu M12x40				5	bộ	5	
-	Lập là chắn cáp	120	60	8	4	m	0.5	
-	Ecu M22				16	cái	16	
-	Mặt bích bắt động cơ sao phi380x12t	190	190	12	1	kg	10.68	
-	Ta rô lỗ phi20				5	lỗ	5	
-	Bulong M20x40				5	bộ	5	
-	Khoan lỗ phi27				8	lỗ	8	
-	Khoan lỗ phi32				4	lỗ	4	
-	Khoan lỗ phi12				16	lỗ	16	
-	Viền sắt tròn phi10x2600mm	2600	10	10	1	Cái	1.00	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
-	Tháo rã toàn bộ các chi tiết của tời như động cơ. Rulo, phanh tời…. Tiến hành vệ sinh các chi tiết, kiểm tra phát hiện hư hỏng. Bảo dưỡng vòng trong bánh răng, bảo dưỡng tang tời, vành phanh và 3 ổ đỡ bạc phi150				1	cụm	1	
-	Sơn chống rỉ toàn bộ tời				1	cụm	1	
-	Tang xích (phi 890-phi500)x14t	890	500	14	1	kg	46.8	
-	Tang xích (phi 890-phi800)x14t	890	800	14	1	kg	13.1	
3	Tời số 3							
-	Thay mới:							
-	U sấn	1440	370	10	1	kg	41.8	
-	U sấn	1150	370	10	1	kg	33.4	
-	L sấn	860	200	10	1	kg	13.5	
-	L sấn	860	190	10	1	kg	12.8	
-	Giá chữ A chiều rộng 840 chiều cao 540 sấn 2 cạnh dài 470	840	540	10	1	kg	35.6	
-	Bản cánh dưới giá chữ A	840	140	10	1	kg	9.2	
-	Hộp bánh răng	1760	610	10	1	kg	84.3	
		400	610	10	1	kg	19.2	
-	Thay ổ đỡ thép (phi190-phi90)x50	190	90	50	1	Cái	1.00	
-	Mặt bảo vệ	350	200	8	1	kg	4.4	
		400	130	10	2	kg	8.2	
		270	80	10	1	kg	1.7	
-	Bản gia cường	510	80	10	1	kg	3.2	
		540	50	10	1	kg	2.1	
-	Bản đáy	1070	140	10	1	kg	11.8	
-	Tấm đế	280	100	30	2	kg	13.2	
		200	100	30	2	kg	9.4	
-	Bản mã tay trang	180	160	25	1	kg	5.7	
		300	180	10	2	kg	8.5	
-	Bản mã cẩu	120	160	14	4	kg	8.4	
-	U sấn hộp bảo vệ bánh răng	2000	460	6	1	kg	43.3	
-	Bulong & ecu M12x40				4	bộ	4	
-	Bảo vệ cáp, thép tròn phi20	2470	10	10	2	kg	12.18	
		650	10	10	2	thanh	2.0	
-	Uốn tay trang, thép tròn phi20	470	10	10	1	thanh	1.0	
-	Bản mã hộp ổ bi	180	250	10	1	thanh	1.0	
-	Tấm đế	60	80	10	4	tấm	1.0	
-	Bulong & ecu M12x40				5	bộ	5	
-	Lập là chắn cáp	120	60	8	4	tấm	1.0	
-	Ecu M22				16	cái	16	
-	Bulong M22x190				10	cái	10	
-	Tháo nhổ bulong M22x190				10	cái	10	
-	Mặt bích bắt động cơ sao phi380x12	190	190	12	1	kg	10.68	
-	Ta rô lỗ phi20				5	lỗ	5	
-	Bulong M20x40				5	bộ	5	
-	Khoan lỗ phi27				8	lỗ	8	
-	Khoan lỗ phi32				4	lỗ	4	
-	Khoan lỗ phi12				16	lỗ	16	
-	Viền sắt tròn phi10x2600mm	2600			1	cái	1.0	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			
-	Tháo rã toàn bộ các chi tiết của tời như động cơ. Rulo, phanh tời…. Tiến hành vệ sinh các chi tiết, kiểm tra phát hiện hư hỏng. Bảo dưỡng vòng trong bánh răng, bảo dưỡng tang tời, vành phanh và 3 ổ đỡ bạc phi150				1	cụm	1	
-	Sơn chống rỉ toàn bộ tời				1	cụm	1	
-	Sắt tròn phi20x1570mm	1570	10	10	1	Đoạn	1.00	
-	Sắt tròn phi20x200mm	200	10	10	1	Đoạn	1.00	
*	Sơn chống rỉ 1 thành phần cho 3 tời				8	lít	8	
*	Tháo tời, cẩu chuyển xuống tàu và vận chuyển về xưởng 3 tời phục vụ sửa chữa				1	chuyến	1	
*	Vận chuyển 3 tời ra tàu, cẩu chuyển lên tàu lắp đặt hoàn thiện				1	chuyến	1	
*	Tháo 2 cuộn cáp trong lô phục vụ sửa chữa. Vận chuyển 2 cuộn cáp từ xưởng cẩu lên tàu. Cáp phi24x170m				2	đường	2	
-	Bulong M24x130				24	bộ	24	
*	Thay bulong M22x130 + Êcu hãm của tời cẩu 3-4:							
	Bulong M24x130				48	cái	48	
	Êcu M24				48	cái	48	
	Long đen vênh				48	cái	48	
	Êcu gối đỡ bạc M22				96	cái	96	
*	Thay bulong M22x130 + Êcu hãm của tời cẩu 1-2:							
-	Bulong M24x130				24	cái	24	
-	Êcu M24				24	cái	24	
-	Long đen vênh				24	cái	24	
-	Êcu gối đỡ bạc M22				48	cái	48	
-	Bổ sung mới ecu tời mới M24							
-	Thay cục bộ ống ballast 1:							
-	Ống phi 48x5	1050	48	5	1	kg	5.56	
-	Măng xông phi 60x4	300	48	5	2	kg	3.18	
-	Cắt ra hàn lại ống phi 48x5	500	48	5	1	kg	2.65	
-	Ốp tôn sàn kho mũi	160	160	12	1	tấm	1	
-	Bóc lột lớp tôn trên để thay tôn dưới bị bục cạnh lỗ men hâu nhà cẩu 1-2:				1	công	1	
-	Khoét lỗ tời cẩu hầm 1-2:				2	công	2	

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			

Stt	Nội dung công việc	Kích thước				Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
		Dài	Rộng	Dày	SL			